50. TƯƠNG ƯNG LỰC
(*BALASAṂYUTTA*)

I. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT
(*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH SỨC LỰC
(*Balādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 249)

705-716. Có năm lực, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lực.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly... hướng đến từ bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu thiên về phương Đông, sáu thiên về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

II. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (*S.* V. 250)

717-726. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", gồm tất cả là mười kinh).

III. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

VIỄN LY

I-XII. (*S.* V. 250)

727-738. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IV. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. (*S.* V. 250)

739-748. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khát ái").

V. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

VIỄN LY

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S.* V. 251)

749-758. Có năm thượng phần kiết sử, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tấn lực... niệm lực... định lực... tu tập tuệ lực liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực này cần phải tu tập.

(Gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Hạ phần kiết sử", "Thượng phần kiết sử").

VI. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (*GAṄGĀPEYYĀLAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. NHÓM 12 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG ĐÔNG (*Pācīnādisuttadvādasaka*) (*S.* V. 251)

759-770. Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân, với mục đích nhiếp phục si... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập năm lực, làm cho sung mãn năm lực, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

(Phẩm này gồm các kinh: "Sáu thiên về phương Đông và sáu thiên về biển." Hai lần sáu thành mười hai và phẩm này được gọi như vậy).

VII. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (*APPAMĀDAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (*S.* V. 252)

771-780. (Gồm các kinh: "Như Lai", "Dấu chân", "Chóp mái", "Rễ hương", "Lõi hương", "Hạ Sanh hoa", "Vua", "Mặt trăng", "Mặt trời", "Vải", tất cả là mười kinh).

VIII. PHẨM CẦN DÙNG SỨC MẠNH (*BALAKARAṆĪYAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. (*S.* V. 252)

781-792. (Gồm các kinh: "Sức lực", "Các hạt giống", "Con rắn", "Cây", "Cái ghè", "Râu lúa mì", "Hư không", "Mây mưa 1", "Mây mưa 2", "Chiếc thuyền", "Các khách", "Con sông").

IX. PHẨM TẦM CẦU (*ESANĀVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. (*S.* V. 252)

793-802. (Gồm các kinh: "Tầm cầu", "Kiêu mạn", "Lậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh", "Hoang vu", "Cấu nhiễm", "Dao động", "Thọ", "Khái ái").

X. PHẨM BỘC LƯU (*OGHAVAGGA*)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. NHÓM 10 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BỘC LƯU (*Oghādisuttadasaka*) (*S.* V. 253)

803-812. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là

năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, đây là năm thượng phần kiết sử. Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần phải tu tập. Thế nào là năm?...

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tín lực... tu tập tuệ lực với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân, với mục đích nhiếp phục si.

Này các Tỷ-kheo, để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, năm lực cần được tu tập.
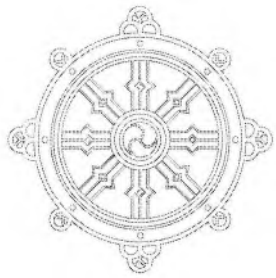
(Gồm các kinh: "Bộc lưu", "Ách phược", "Chấp thủ", "Hệ phược", "Tùy miên", "Dục công đức", "Triền cái", "Thủ uẩn", "Thượng phần kiết sử", "Hạ phần kiết sử").